

KẾT QUẢ CHẤM PHỨC KHẢO KỶ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Kết quả thi				Đơn xin		Điểm		
						LT	TH	ĐTB	KQXL	LT	TH	TH	ĐTB	KQXL
28	HĐ 15: Nguyễn Tất Thành	803087	Nguyễn Trần Huy Cường	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	3.25	4.00	4.00	Hồng	x	x	3.25	4.00	Hồng
29		803101	Đông Thanh Duy	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	5.25	3.50	4.00	Hồng			5.25	3.50	Hồng
30		803111	Trịnh Trà Khánh Duy	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	3.75	4.50	4.50	Hồng	x	x	3.75	4.50	Hồng
31		803522	Mai Nguyễn Kim Thủy	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	Hồng
32		803132	Nguyễn Thị Giang	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	5.25	3.00	3.50	Hồng		x	5.25	3.00	Hồng
33		803136	Huỳnh Thị Quỳnh Giao	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	3.00	4.00	4.00	Hồng	x	x	3.00	5.00	Hồng
34		803322	Phạm Thanh Ngân	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	3.25	5.00	4.50	Hồng	x		3.25	5.00	Hồng
35		803328	Nguyễn Thành Nghĩa	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	4.00	4.50	4.50	Hồng	x	x	4.00	4.50	Hồng
36		803081	Văn Ngọc Chinh	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	3.50	4.50	4.50	Hồng	x	x	3.50	4.50	Hồng
37		803528	Nguyễn Ngọc Anh Thư	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	3.75	3.50	3.50	Hồng	x	x	3.75	3.50	Hồng
38		803026	Nguyễn Võ Thanh An	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	4.00	3.50	3.50	Hồng	x	x	4.25	3.50	Hồng
39		803130	Võ Minh Giám	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	4.25	3.50	4.50	Hồng	x	x	4.25	3.50	Hồng
40		803027	Phạm Nhật An	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	5.50	4.00	4.00	Hồng		x	5.50	4.00	Hồng
41		803124	Nguyễn Huy Điền	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	4.75	3.50	4.00	Hồng	x	x	4.75	3.50	Hồng
42		803138	Nguyễn Văn Gió	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	4.50	3.50	4.50	Hồng	x	x	4.50	3.50	Hồng
43		803242	Lê Quốc Lân	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	5.00	4.50	4.50	Hồng		x	5.00	5.50	Thỉnh
44		803028	Quách Tác An	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	2.25	9.50	7.50	Hồng	x		2.25	9.50	Hồng
45		803231	Lê Quốc Kiệt	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	2.50	6.00	5.00	Hồng	x		2.50	6.00	Hồng
46		803217	Nguyễn Quốc Khánh	TT.GD/TX Quận 6	Tin học	4.25	4.50	4.50	Hồng	x	x	4.25	4.50	Hồng
47	HĐ 28: Nguyễn Hiền	809370	Trần Đức Phú	Việt Úc	Tin học	5.50	K	1.50	Hồng		x	5.50	8.00	Khá
48	HĐ 13: Mạc Đình Chi	401888	Lý Trần Thiên Kim	Mạc Đình Chi	Nấu ăn	K	9.50		Hồng	x		6.50	9.50	Giỏi
49	HĐ 10: Nguyễn Hữu Thọ	4011124	Phan Thị Tuyết Ngân	Nguyễn Hữu Thọ	Nấu ăn	5.25	0.00		Hồng			5.25	0.00	1.50
50	HĐ 70: Thanh Bình	504878	Nguyễn Thái Hoàng	Phùng Hưng	Nhiếp ảnh	2.25	9.25	7.50	Hồng	x		2.25	9.25	7.50
51		505054	Phạm Công Minh	Thanh Bình	Nhiếp ảnh	2.25	9.50	7.50	Hồng	x		5.78	9.50	8.50
52		500178	Bùi Quốc Trương Giang	Olympic	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8.00	Hồng	x		2.75	9.50	8.00
53		500655	Nguyễn Hữu Trường Sơn	Olympic	Nhiếp ảnh	2.5	9.75	8.00	Hồng	x		2.50	9.75	8.00
54	HĐ 02: Trung Vương	500258	Trần Huy Hoàng	Olympic	Nhiếp ảnh	2.25	9.25	7.5	Hồng	x		2.25	9.25	7.50
55		500036	Nguyễn Trần Minh Anh	Trung Vương	Nhiếp ảnh	2.75	9.25	7.50	Hồng	x		2.75	9.25	7.50
56		500595	Nguyễn Hồng Phúc	Trung Vương	Nhiếp ảnh	2.75	8.5	7.00	Hồng	x		3.00	8.50	7.00
57		833284	Võ Thanh Nguyên	Hoa Sen	Tin học	5.75	3.00	3.50	Hồng	x	x	5.75	3.00	3.50
58	HĐ 84: Ngô Thời Nhiệm	833410	Nguyễn Thanh Tân	Hoa Sen	Tin học	5.25	3.00	3.50	Hồng	x	x	5.50	3.00	3.50
59	HĐ 80: Nguyễn Hữu Huân	113107	Nguyễn Minh Hiếu	Hoa Sen	Vẽ Kỹ thuật	2.50	9.50	8.00	Hồng	x	x	5.75	9.50	8.50
60	HĐ 85: Thủ Thiêm	213318	Võ Minh Duy	Hoa Sen	Điện	2.75	9.00	7.50	Hồng	x	x	2.75	9.00	7.50
61		213614	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	Hoa Sen	Điện	2.50	8.00	6.50	Hồng	x	x	2.50	8.00	6.50
62		213720	Ngô Thành Trung	Hoa Sen	Điện	2.00	7.00	6.00	Hồng	x	x	2.00	7.00	6.00
63		213764	Phan Huy Vũ	Hoa Sen	Điện	2.75	7.00	6.00	Hồng	x	x	2.75	7.00	6.00

KẾT QUẢ CHẤM PHỨC KHẢO KỲ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Kết quả thi				Đơn xin		Điểm			
						LT	TH	ĐTB	KQXL	LT	TH	LT	TH	ĐTB	KQXL
1	HD 04: Lương Thế Vinh	502016	Phạm Minh Hòa	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.50	K				x	4.50	9.50	8.50	T bình
2		502237	Nguyễn Lê Bích Ngân	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	2.50		7.50	Hồng	x		2.50	9.25	7.50	Hồng
3		502322	Nguyễn Minh Nhật	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	2.50	9.00	7.50	Hồng	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
4		502398	Nguyễn Anh Quân	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.00	K				x	4.00	9.00	8.00	T bình
5		502500	Đỗ Minh Thông	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	2.50	9.00	7.50	Hồng	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
6		502513	Lưu Thị Thanh Thùy	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	2.25	9.25	7.50	Hồng	x		2.25	9.25	7.50	Hồng
7		502552	Nguyễn Phước Toàn	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	2.50	9.75	8.00	Hồng	x		2.50	9.75	8.00	Hồng
8		502615	Vương Hà Minh Trung	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
9		502749	Võ Hoàng Khánh Vy	Lương Thế Vinh	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8.00	Hồng	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
10		501947	Nguyễn Hoàng Đức	Lương Thế Vinh	Nhiếp ảnh	7.25	K				x	7.25	9.25	9.00	Giỏi
11	HD 05: Marie Curie	502172	Phạm Ngọc Long	Đức Trí	Nhiếp ảnh	2.25	9.25	7.50	Hồng	x		2.25	9.25	7.50	Hồng
12		502441	Trương Ngọc Thái	Đức Trí	Nhiếp ảnh	2.00	9.00	7.50	Hồng	x		2.00	9.00	7.50	Hồng
13		502323	Điền Thị Thu Oanh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8.00	Hồng	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
14		502103	Nguyễn Xuân Bảo Khôi	Đức Trí	Nhiếp ảnh	2.25	8.75	7.00	Hồng	x		2.25	8.75	7.00	Hồng
15		800969	Nguyễn Thiên Kha	Đức Trí	Tin học	2.00	8.50	7.00	Hồng	x		6.00	8.50	8.00	Khá
16		801201	Lê Thị Anh Thư	Marie Curie	Tin học	7.50	5.00	5.50	T bình		x	7.50	5.00	5.50	T bình
17		502856	Nguyễn Đức Huy	Marie Curie	Nhiếp ảnh	5.25	K				x	5.25	8.00	7.50	Khá
18		100127	Thái Thanh Mi	Cù Chi	Chăn nuôi	2.75	10.00	8.00	Hồng	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
19		832559	Phạm Minh Tuấn	Nguyễn Huệ	Tin học	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
20		506613	Bùi Hà Đỗ Đạt	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.25	9.25	7.50	Hồng	x		2.25	9.25	7.50	Hồng
21	HD 76: Trí Đức	506101	Nguyễn Hữu Thắng	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
22		505609	Phạm Thành Dương	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8.00	Hồng	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
23		505987	Phạm Thành Phong	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.50	9.50	8.00	Hồng	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
24		506068	Nguyễn Thanh Tâm	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.50	9.50	8.00	Hồng	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
25		505969	Đặng Minh Nhật	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.50	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
26		506214	Trương Công Tuyền	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.75	10.00	8.00	Hồng	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
27		505507	Nguyễn Thị Phương Anh	Trí Đức	Nhiếp ảnh	2.75	9.75	8.00	Hồng	x		2.75	9.75	8.00	Hồng

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO KỲ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Kết quả thi				Đơn xin		Điểm			
						LT	TH	ĐTB	KQXL	LT	TH	LT	TH	ĐTB	KQXL
64	HĐ 44: Phan Đăng Lưu	208247	Hồ Thanh	Long	Điện	2.50	9.00	7.50	Hồng	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
65		504499	Trần Thị Bích	Ngọc	Nhiếp ảnh	2.75	9.75	8.00	Hồng	x		5.25	9.75	8.50	Khả
66		504469	Võ Phước	Lộc	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8.00	Hồng	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
67		504515	Bùi Tấn	Phát	Nhiếp ảnh	2.25	9.75	8.00	Hồng	x		2.25	9.75	8.00	Hồng
68	HĐ 49: Quang Trung	100521	Nguyễn Xuân	Mai	Chăn nuôi	2.50	9.00	7.50	Hồng	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
69		100560	Huỳnh Trung	Nghĩa	Chăn nuôi	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
70	HĐ 01: Bùi Thị Xuân	800535	Trình Hoàng Chon Ngà Thanh	Phượng	Tin học	9.25	8.00	8.50	Khả		x	9.25	9.00	9.00	Giỏi
71	HĐ 63: Hàn Thuyên	210265	Ngô Ánh	Linh	Điện	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
72		210127	Đỗ Danh Trần	Bách	Điện	2.25	9.50	7.50	Hồng	x		2.25	9.50	7.50	Hồng
73	HĐ 08: Lê Quý Đôn	400109	Nguyễn Phương	Dung	Nấu ăn	5.50	9.50	8.50	Khả	x		5.50	9.50	8.50	Khả
74		824778	Lưu Trần Bảo	Long	Tin học	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
75		824859	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Tin học	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
76		825051	Trương Văn	Thành	Tin học	2.75	4.50	4.00	Hồng	x	x	2.75	4.50	4.00	Hồng
77	HĐ 81: Tam Phú	212669	Doãn Thị Thúy	Ái	Điện	4.50	9.00	8.00	Tbình	x		4.50	9.00	8.00	Tbình
78		212742	Nguyễn Ý Mỹ	Duyên	Điện	4.75	9.00	8.00	Tbình	x		4.75	9.00	8.00	Tbình
79	HĐ 23: Tạ Quang Bửu	807242	Nguyễn Thanh	Huyền	Tin học	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
80		807283	Trần Hải	Nam	Tin học	2.75	8.50	7.00	Hồng	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
81		807357	Nguyễn Thị	Thắm	Tin học	2.75	10.00	8.00	Hồng	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
82		807334	Sùng A	Sự	Tin học	2.75	8.00	6.50	Hồng	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
83	HĐ 20: Võ Văn Kiệt	203064	Nguyễn Hồng Phúc	Đạt	Điện	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
84		203310	Bành Bội	Văn	Điện	2.50	9.00	7.5	Hồng	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
85		805654	Lê Thị Cẩm	Nhung	Tin học	6.25	4.00	4.5	Hồng		x	6.25	4.00	4.50	Hồng
86		209675	Võ Trương Lyn	Đa	Điện	2.75	9.00	7.00	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
87	HĐ 57: Nguyễn Văn Cừ	821202	Nguyễn Đức	Trọng	Tin học	K	10.00			x		7.25	10.00	9.50	Giỏi
88		901416	Trần Quốc	Được	Trồng trọt	2.50	9.50	8.00	Hồng	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
89		901445	Lưu Quang	Ngọc	Trồng trọt	2.75	9.00	7.50	Hồng	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
90		901464	Vũ Thị Hồng	Nhung	Trồng trọt	2.75	10.00	8.00	Hồng	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
91		901489	Phạm Thị Minh	Phượng	Trồng trọt	1.75	9.50	7.50	Hồng	x		1.75	9.50	7.50	Hồng
92		901536	Trần Trung	Trực	Trồng trọt	2.50	9.50	8.00	Hồng	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
93		901554	Huỳnh Thị Như	Yến	Trồng trọt	2.75	9.50	8.00	Hồng	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
94		901555	Phạm Hồng	Yến	Trồng trọt	2.50	10.00	8.00	Hồng	x		2.50	10.00	8.00	Hồng
95		211310	Tất Gia	Vỹ	Điện	4.00	9.50	8.00	Tbình	x		4.00	9.50	8.00	Tbình
96	HĐ 26: Trương Nguyệt Anh	403042	Trần Duy Tuấn	Anh	Nấu ăn	2.50	10.00	8.00	Hồng	x		7.25	10.00	9.50	Giỏi

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO KỲ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Kết quả thi			Đơn xin		Điểm		
						LT	TH	ĐTB	LT	TH	LT	TH	ĐTB
97		212141	Nguyễn Hồng Bảo Anh	Trần Cao Ván	Điện	2.75	10.00	8.00			2.75	10.00	8.00
98		212204	Nguyễn Trần Hoàng Đạt	Trần Cao Ván	Điện	2.75	10.00	8.00			2.75	10.00	8.00
99		212238	Dương Gia Hân	Trần Cao Ván	Điện	2.75	9.00	7.50			2.75	9.00	7.50
100		212242	Lai Hồng Hậu	Trần Cao Ván	Điện	2.75	8.50	7.00			2.75	8.50	7.00
101		212310	Nguyễn Đức Gia Khiêm	Trần Cao Ván	Điện	2.75	10.00	8.00			2.75	10.00	8.00
102	HD 75: Trần Cao Ván	212360	Lâm Triệu Mẫn	Trần Cao Ván	Điện	2.50	10.00	8.00			2.50	10.00	8.00
103		212516	Lê Đỗ Thiện Tân	Trần Cao Ván	Điện	1.75	9.50	7.50			1.75	9.50	7.50
104		212565	Nguyễn Hoàng Cẩm Thy	Trần Cao Ván	Điện	2.25	10.00	8.00			2.25	10.00	8.00
105		212623	Phạm Cảnh Tuấn	Trần Cao Ván	Điện	2.75	9.50	8.00			2.75	9.50	8.00
106		212216	Liên Hoàng Đức	Trần Cao Ván	Điện	2.75	9.00	7.50			2.75	9.00	7.50
107		212397	Nguyễn Minh Như Ngọc	Trần Cao Ván	Điện	2.75	9.50	8.00			2.75	9.50	8.00
108	HD 58: Nguyễn Trung Trực	821803	Vũ Minh Như	Hermann Gmeiner	Tin học	5.75					5.75		
109		822192	Ngô Văn Vũ	Hermann Gmeiner	Tin học	6.25					6.25		

Tổng kết danh sách có 109 thí sinh được chấm phúc khảo, gồm các môn :

Môn thi

- Nhiếp ảnh
- Nấu ăn
- Điện
- Chăn nuôi
- Trồng trọt
- Vẽ kỹ thuật
- Tin học

Tổng cộng : 109

SL

- 33
- 04
- 24
- 03
- 07
- 01
- 37
- 109

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO

Số thí sinh có kết quả xếp loại (KQXL) thay đổi

- Nhiếp ảnh 7 /33
- Nấu ăn 2 /4
- Điện 0 /24
- Chăn nuôi 0 /3
- Trồng trọt 0 /7
- Vẽ kỹ thuật 1 /1
- Tin học 5 /37

Tổng cộng : 15 /109 thí sinh có KQXL thay đổi



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM PHÚC KHẢO

Lê Duy Tân

Nguyễn Văn Hiếu